

# VIPEZON 1g/2g

## Cefoperazon - Sulbactam

### 1. THÀNH PHẦN: Cho 1 lọ

VIPEZON 1 g: Cefoperazon 0,5 g; Sulbactam 0,5 g

VIPEZON 2 g: Cefoperazon 1 g, Sulbactam 1 g

### 2. CÁC ĐẶC TÍNH DƯỢC LỰC HỌC:

- Cefoperazon là một kháng sinh nhóm cephalosporin thế hệ thứ 3 có tác dụng diệt khuẩn, khá bền vững dưới tác dụng của beta-lactamase nên có tác dụng trên nhiều nhóm vi khuẩn đề kháng với beta-lactam khác. Phổ kháng khuẩn rộng bao gồm vi khuẩn Gram dương và Gram âm, hiếu khí và kỵ khí: *Staphylococcus aureus*, *S. epidermidis*, *Streptococcus pneumoniae*, *Streptococcus* nhóm A và B, *Streptococcus viridans*, *Enterococci*, *Neisseria gonorrhoeae*, các dòng Enterobacteriaceae (*Escherichia coli*, *Klebsiella*, *Enterobacter*, *Citrobacter*, *Proteus*, *Morganella*, *Providencia*, *Salmonella*, *Shigella*, *Serratia* spp.), *Peptococcus*, *Peptostreptococcus*, *Clostridium* spp., *Bacterioides fragilis*

- Sulbactam: có tác dụng ức chế không thuận nghịch beta-lactamase.

### 3. CHỈ ĐỊNH:

- VIPEZON được sử dụng để điều trị các nhiễm khuẩn nặng do các vi khuẩn Gram âm, Gram dương nhạy cảm và các vi khuẩn đã kháng các beta-lactam khác. Chủ yếu dùng điều trị:

- + Nhiễm khuẩn đường mật.
- + Nhiễm khuẩn đường hô hấp trên và dưới.
- + Nhiễm khuẩn da, mô mềm, xương khớp.
- + Nhiễm khuẩn đường tiết niệu.
- + Viêm vùng chậu và nhiễm khuẩn sản phụ khoa.
- + Viêm phúc mạc và các nhiễm khuẩn trong ổ bụng.
- + Nhiễm khuẩn huyết.
- + Bệnh lậu.

### 4. LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG:

- Cách dùng: tiêm tĩnh mạch hoặc tiêm bắp

- Liều dùng: tính theo cefoperazon.

+ Người lớn:

\* Nhiễm khuẩn nhẹ và trung bình: 1 - 2 g cefoperazon, mỗi 12 giờ một lần.

\* Nhiễm khuẩn nặng: có thể tăng liều dùng đến 12 g cefoperazon/24 giờ, chia làm 2 - 4 lần.

\* Người bị bệnh gan hoặc tắc mật: không được quá 4 g cefoperazon/24 giờ.

\* Người bị suy cả gan và thận: 2 g cefoperazon/24 giờ, nếu dùng liều cao hơn, phải theo dõi nồng độ cefoperazon trong huyết tương.

\* Nhiễm khuẩn do Streptococcaceae huyết beta nhóm A phải tiếp tục trong ít nhất 10 ngày để giúp ngăn chặn thấp khớp cấp hoặc viêm cầu thận.

+ Trẻ em dưới 12 tuổi: tính an toàn và hiệu quả chưa được

### 5. CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

- Bệnh nhân dị ứng với kháng sinh nhóm cephalosporin và penicillin.

### 6. THẬN TRỌNG:

- Trước khi bắt đầu điều trị, phải điều tra kỹ về tiền sử dị ứng của người bệnh với cephalosporin, penicillin và thuốc khác.

- Bệnh nhân mà bản thân hoặc người nhà có tiền sử dị ứng như hen phế quản, phát ban, da nổi mụn, nổi mề đay.

- Sử dụng chung với aminoglycosid có thể gây độc thận.

- Tương kỵ vật lý với aminoglycosid, nếu sử dụng kết hợp với aminoglycosid, các thuốc này phải dùng riêng rẽ.

- Tính an toàn và hiệu quả ở trẻ em dưới 12 tuổi chưa được xác định.

- Không dùng chung với thức uống có rượu vì có thể gây phản ứng giống disulfuram.

### 7. SỬ DỤNG CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:

+ Cephalosporin thường được xem là sử dụng an toàn trong khi mang thai nhưng chưa có đầy đủ các công trình nghiên cứu có kiểm soát chặt chẽ trên người mang thai nên chỉ sử dụng thuốc này cho người mang thai khi thật cần thiết.

+ Cefoperazon phân bố trong sữa mẹ với nồng độ rất thấp, nên cẩn thận khi sử dụng cefoperazon đối với phụ nữ cho con bú.

### 8. TƯƠNG TÁC THUỐC:

- Có thể xảy ra các phản ứng giống disulfuram nếu uống rượu trong vòng 72 giờ sau khi dùng cefoperazon.

- Hoạt tính kháng khuẩn của cefoperazon và aminoglycosid in vitro có thể cộng hoặc hiệp đồng chống một vài vi khuẩn Gram âm bao gồm *P. aeruginosa* và *Serratia marcescens*.

- Sử dụng đồng thời với warfarin và heparin, có thể làm tăng tác dụng giảm prothrombin huyết của cefoperazon.

- Phản ứng dương tính giả với glucose trong nước tiểu có thể xảy ra với dung dịch Benedict hoặc Fehling.

### 9. TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN:

Tiêu chảy, buồn nôn, nôn mửa; thiếu bạch cầu trung tính thuận nghịch, tăng bạch cầu ưa acid thoáng qua có thể gặp khi sử dụng kéo dài; tăng nhẹ enzyme gan; tăng nhẹ BUN và creatinin huyết thanh; thay đổi kết quả thử nghiệm Coombs.

- Các triệu chứng quá liều: tăng kích thích thần kinh cơ, co giật, đặc biệt ở người bệnh suy thận.

### 10. BẢO QUẢN:

- Bảo quản ở nhiệt độ không quá 25°C, tránh ánh sáng.

### 11. TIÊU CHUẨN: TCCS

### 12. QUY CÁCH ĐÓNG GÓI: Hộp 1 lọ

### 13. HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

### SẢN XUẤT BỞI:

### CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM EUVIPHARM

Ấp Bình Tiến 2, Xã Đức Hoà Hạ, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An

*Nguyễn Văn Hùng*  
05/5/14